

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022 /DSST

Ngày: 02/8/2022

V/v "Tranh chấp QSD đất, tài sản
trên đất và Hợp đồng giao khoán"

CHƯA CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tất Dũng
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/7/2022 và 02/ 8/ 2022, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2019/ TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 Về việc: “ Tranh chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng giao khoán ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Đức Phương, sinh năm 1980;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Tự do.
Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977;

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983;

(Có mặt tại phiên tòa)

+ Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994; (*Vắng mặt*)

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.



Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD' Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: + Bà Nguyễn Thị Phong Lan, sinh năm 1978;

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, sinh năm 1995;

Đều là Cán bộ Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(*Vắng mặt*)

+ Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980;

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

(*Có mặt tại phiên tòa*)

(*Theo Giấy ủy quyền số 13/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 06/01/2020 của Tổng giám đốc Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Phan Đức Hiện, sinh năm 1969; (anh trai ông Phương)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do.

Trú tại: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(*Có mặt tại phiên tòa*)

3.2 Bà Triệu Thị Bích, sinh năm 1989; (vợ ông Phương)

Trú tại: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(*Vắng mặt tại phiên tòa*)

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(*Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, lời khai của ông Phương và lời trình bày của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Đức Phương tại phiên tòa trình bày:

Năm 1993 bố ông Phương là ông Phan sinh Quý (hiện nay đã mất) được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho 12,10 ha đất rừng thuộc lô 33,34,43,44 tiểu khu 413 xã Hợp tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Việc giao đất thông qua Sổ giao đất giao rừng (sổ xanh) mang tên Phan sinh Quý.

Năm 2001 bố ông Phương cho ông Phương 10 ha trong tổng số 12,1 ha nêu trên để trồng rừng sản xuất. Ông Phương sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay.

Năm 2006 do nhu cầu sử dụng đất của gia đình lớn, diện tích đất hoang để cỏ lau mọc nhiều nên ông Phương có tự khai phá thêm được 13,02 ha đất (nay Tổng công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên xác định thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01) tại xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tổng diện tích đất hiện tại của gia đình ông Phan Đức Phương đang quản lý, sử dụng là 23,02 ha.

Năm 2018, Chi nhánh tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần lâm nghiệp Thái Nguyên đã đến đo hiện trạng sử dụng thuộc khoảnh 3 và khoảnh 5 là 13,2 ha và khoảnh 9 là 3,04 ha tiểu khu 915 trong tổng diện tích hiện trạng nêu trên. Ông Phương và công ty Lâm nghiệp đang tranh chấp diện tích gồm 11,38 ha tại khoảnh 3 và khoảnh 5, thửa số 30, tờ bản đồ số 1 và diện tích 3,04 ha tại khoảnh 9 thửa số 407 tờ bản đồ số 3 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến (bản đồ giải thửa địa chính năm 2006). Lý do tranh chấp là từ khi ông Phương được bố ông Phương cho đất và năm 2006 ông khai phá thêm, gia đình ông Phương vẫn sử dụng ổn định, liên tục, tự đầu tư trồng rừng và khai thác rừng.

Năm 2016, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự ý cho người cắm mốc vào diện tích ông Phương đang canh tác với lý do cho rằng đất đó của Công ty Lâm nghiệp. Ông Phương không đồng ý nên đã có đơn đề nghị UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ giải quyết tranh chấp. UBND xã Hợp Tiến đã chuyển đơn của ông Phương đến Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, công ty đã về xóm giải đáp thắc mắc nhưng gia đình ông Phương không đồng ý.

Năm 2019, UBND xã Hợp Tiến đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa ông Phương với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên nhưng không thành vì Công ty Lâm nghiệp vẫn cho rằng đất là của Công ty Lâm nghiệp. Đến khi ông Phương khai thác lâm sản thì công ty Lâm nghiệp yêu cầu ông Phương phải ký hợp đồng giao khoán với Công ty thì Công ty mới cho khai thác nên gia đình ông Phương không đồng ý ký.

Hiện nay, các thửa đất ông Phan Đức Phương đang sử dụng đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 và số BA 866510 cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/02/2011. Tuy nhiên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty Lâm nghiệp lại không có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất, các hành vi cắm mốc nêu trên của Công ty cổ phần Lâm nghiệp Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần và việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên nêu trên cho thấy Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Đức Phương .

Nay ông Phan Đức Phương khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết tranh chấp đối với toàn bộ 23,02 ha đất rừng. Trong đó có 10 ha được cấp sổ xanh thuộc 4 lô 33,34,43,44 tiểu khu 413 thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ của bố

cho và 13,02 ha đất ông Phương tự khai hoang năm 2006 thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

1. Công nhận 23,02 ha đất rừng là của ông Phan Đức Phương Trong đó Có 10 ha được cấp sổ xanh thuộc 4 lô 33,34,43,44 tiểu khu 413 xã Hợp Tiến và 13,02 ha đất do ông Phương tự khai hoang thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên(bản đồ giải thửa địa chính năm 2006). Xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Phương và gia đình ông Phương có quyền khai thác, sử dụng.

2. Buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất của ông Phương.

3. Yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 và số BA 866510 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/02/2011.

*** Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – ông Phạm Huy Bình trình bày:** Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn lý do:

Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP- chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (Sau đây gọi tắt là “Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Trìu và Trại Cau thành LT Đông Hỷ

-Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đông Hỷ Tổng diện tích được giao tại huyện Đông Hỷ là 13.065ha.

-Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đông Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam Bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam; Biên bản bàn giao Lâm trường Đông Hỷ thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

-Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đông Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công

ty lâm nghiệp Thái Nguyên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên.

- Quyết định số 141/HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đồng Hỷ và Lâm trường Phú Bình trực thuộc Công ty Ván Dăm Thái Nguyên .

- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, Các xã Khe Mỏ, Văn Hán, Cây Thị, Tân Lợi, Hợp Tiến với nội dung trước đây Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ “ Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức Hợp đồng giao khoán .

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy Ván dăm Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty Ván dăm Thái Nguyên ngày 22/12/1998 .

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ Với diện tích được cấp 12.919.983,0 m² ;

- Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã Hợp Tiến;

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN

- Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây Thị, Văn Hán, Khe Mỏ huyện Đồng hỷ để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên năm 2016.

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT Lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về việc giao khoán trồng rừng: Công ty đã ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng từ năm 2008 và năm 2015 cho ông Phan Đức Hiện (là anh trai ông Phương) với tổng diện tích là 7,05 ha nằm trong diện tích 11,38 ha tại khoảnh số 3, khoảnh 5 tiểu khu 195 thửa 30, tờ bản đồ số 1 giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006. Việc ký hợp đồng giao khoán này là tự nguyện căn cứ vào đơn xin giao khoán của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán cho hộ dân.

Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất: Căn cứ biên bản làm việc ngày 16/10/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, UBND xã Hợp Tiến và các hộ nhận khoán, ông Phan Đức Phương đang canh tác trên đất của Tổng công ty Lâm nghiệp quản lý là 16,06 ha trong đó công ty dự kiến trả về địa phương là 1,64 ha và giữ lại sử dụng sau cổ phần hóa 14,42 ha. Diện tích 14,42 ha công ty giữ lại bao gồm diện tích công ty đã giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2008 và năm 2015 cho ông Phan Đức Hiện là 7,05 ha và diện tích công ty chưa giao khoán nhưng ông Phan Đức Phương tự lấn chiếm đầu tư là 7,37 ha. Cụ thể: Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã giao khoán cho ông Phan Đức Hiện trồng rừng theo 02 hợp đồng cụ thể như sau:

Vị trí tại thửa 30 tờ bản đồ số 1: Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng có diện tích **130.759,7m²** Trong đó: Diện tích đất trồng keo: 107.324,5m² và diện tích đất trồng phân: 23.435,2 m². Trên thửa này có:

+ Hợp đồng số 05/2008-HĐGK ký ngày 02/10/2008 tại lô B1, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 1,85 ha (18.500 m²). Tại vị trí này, năm 2016 ông Hiện và ông Phương đã tự ý khai thác rừng trái pháp luật, chống đối không giao nộp sản phẩm gỗ theo hợp đồng đã ký với Công ty, không thanh lý hợp đồng và tự ý chiếm đất của Công ty và trồng rừng lứa mới năm 2016.

+ Hợp đồng số 08/2016 ký ngày 06/6/2016 tại lô C19, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 5,20 ha (52.000 m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2016, ông Phan Đức Phương và Phan Đức Hiện vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Diện tích còn lại (60.259,70 m²), ông Phan Đức Phương đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Vị trí tại khoảnh 5, tiểu khu 195 thửa 407 tờ bản đồ số 3: Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng có diện tích 30.679,6 m² hiện nay ông Phan Đức Phương đang lấn chiếm đất của Công ty và tự đầu tư trồng rừng.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích đất ông Phương và ông Hiện đang quản lý, sử dụng và phần diện tích đất ông Hiện đã nhận giao khoán với Công ty, phía Công ty sẽ vẫn tạo điều kiện cho ông Hiện và ông Phương được tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng ông Hiện và ông Phương phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung của Hợp đồng giao nhận khoán, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu (nếu có), không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị giải quyết các Hợp đồng giao khoán với Công ty mà Nguyên đơn cho là bị ép ký, ký không. Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam sẽ thực hiện quyền khởi kiện vụ án riêng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Triệu Thị Bích (vợ ông Phương) vắng mặt, có bản tự khai trình bày như ý kiến trình bày của ông Phương.

Ông Phan Đức Hiện trình bày: Năm 2008 và 2016 tôi được đội sản xuất số 1 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên Thái Nguyên giao khoán. Sau khi ký hợp đồng tôi không được nhận đầu tư cây giống và phân bón vì phần đất tôi ký với Công ty đã có người canh tác trồng keo trên đất khoảng 1 tuổi rồi. Từ đó đến nay tôi cũng không đi đến phần đất mà tôi ký hợp đồng trồng rừng với công ty. Vì tôi không nhận đầu tư gì với công ty nên phần diện tích đất trên không liên quan gì đến tôi nữa. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Tiến Dũng, ông Tạ Quang Trang trình bày:**

Hồ sơ giao đất, giao rừng này thực chất là Hợp đồng giao khoán, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị và ông Phương được quyền sử dụng, ngoài ra ông Phương khai phá thêm được 13,2 ha và trong 1 thời gian dài vẫn sử dụng ổn định, Công ty không có ý kiến gì. Thời gian gần đây công ty mới cấm mốc và yêu cầu ký vào bản hợp đồng giao nhận khoán thì công ty mới cho khai thác Lâm sản. Nay ông Phương và ông Hiện cho rằng Hợp đồng giao khoán là bị ép ký và công ty cho ký không vì không có số lô, số khoảnh.

Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao khoán này chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm của UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán mà Nguyên đơn đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký khống, chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định ký hợp đồng ký trước sau đó mới điền nội dung làm căn cứ hủy hợp đồng giao nhận khoán của công ty và công nhận QSD đất là của ông Phương.

Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới xác định vị trí đất, đất nên nguyên đơn cho rằng giấy chứng nhận sử dụng đất này cấp năm 2011 là cấp chồng lấn vào diện tích đất của gia đình ông Phương đã sử dụng và khai phá từ trước. Nếu như diện tích đất khởi kiện này đúng là của Công ty Lâm nghiệp thì hai bên hòa giải và lập hợp đồng giao khoán theo ý chí của cả 2 bên chứ không phải từ phía Công ty

Diện tích đất khai hoang của ông Phương nếu không thuộc sự quản lý của Công ty lâm nghiệp đề nghị Tòa án ra quyết định với cơ quan có thẩm quyền cho phía nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng mà không phải qua Công ty.

Luật sư không đồng ý với ý kiến của bị đơn về nguồn gốc đất, theo Quyết định 320 năm 2011 việc giao đất cho Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là không phù hợp với quy định của Luật đất đai thời điểm đó. Đề nghị Tòa án đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do Nguyên đơn có yêu cầu hủy GCNQSD đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Ông Phan Đức Phương yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích tranh chấp gồm 2 phần, cụ thể:

* **Phần đất thứ nhất** thuộc khoảnh 3, khoảnh 5 thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp tiến, huyện Đông Hỷ. **Diện tích: 30.679,6 m².**

* **Phần đất thứ hai** thuộc thửa 407 tờ bản đồ số 3 xóm Bãi Vàng, xã Hợp tiến, huyện Đông Hỷ. **Diện tích: 130.759,7 m².**

Ngày 19/4/2021 Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản

* **Về giá trị đất: $161.439,3 \text{ m}^2 \times 9.000 / \text{m}^2 = 1.452.953.700$ đồng.**

(Một tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm đồng)

* *Về giá trị tài sản cây trồng trên đất: 744.814.000 đồng*

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: 2.197.767.700 đồng. (Hai tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng.)

Quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án: Tòa án đã phối hợp với các cơ quan lưu giữ tài liệu chứng cứ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của 11 hộ dân xã Hợp Tiến huyện Đông Hỷ đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Tại công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên trình bày:

+ Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền Cấp GCNQSD đất: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

+ Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đông Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đông Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đông Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Việc cấp GCNQSD đất : Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký

QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011. Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.(BL326).

Tại Công văn số 55/CV-HKL ngày 18/4/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ cung cấp:

Căn cứ sơ đồ trích đo (file số) hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình xã Hợp Tiến đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Hạt kiểm lâm đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng do Hạt kiểm lâm quản lý theo Quyết định 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 đến năm 2020 thì khu vực trên về cơ bản đều thuộc Quy hoạch là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. Còn nội dung xác định chủ quản lý theo vị trí là số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích từng thửa không thuộc đối tượng theo dõi của Hạt kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.

Tại Công văn số 554/UBND ngày 04/7/2022 của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ cung cấp:

Trước khi cổ phần hóa, chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã trả về địa phương diện tích đất là 817,23 ha(8.172,262 m²) đất trồng rừng sản xuất tại Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất do chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã: Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương có biên bản bàn giao chỉ giới do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên để giao cho UBND xã Hợp Tiến , huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch ngày 03/6/2015.

Diện tích đất hiện nay 11 Nguyên đơn đang tranh chấp với Công ty Lâm

nghiệp Thái Nguyên không nằm trong diện tích đất trả về địa phương mà hiện nay địa phương đang quản lý.

Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương hiện nay UBND xã Hợp Tiến đã xây dựng xong phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định.

Đến thời điểm này UBND xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Đối với toàn bộ diện tích các hộ đang khởi kiện thì các hộ chưa có hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lần nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án phải đưa ra xét xử công khai.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Nguyễn đơn(ông Phương) người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phương giữ nguyên quan điểm như nội dung yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn(ông Bình) không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(ông Hiện) giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

Tại phiên tòa , đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;
- Điều 7,10, 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Điều 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013; - Điều 483,484,485 Bộ luật dân sự năm 2015; - Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của các đương sự và chứng cứ được Tòa án thu thập xác định Nguồn gốc đất hiện ông Phan Đức Phương, bà Triệu Thị Bích đang quản lý, sử dụng có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam là đất của Tổng Công ty đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất từ năm 2011 là đúng quy định của pháp luật, do đó:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương về việc Công nhận 23,02 ha đất và cây trồng trên đất là của ông Phan Đức Phương.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị

Tòa án Buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất ông Phương đang quản lý do ông Phương không liên quan đến hợp đồng giao khoán.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 ; BA 866510 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về chi phí tố tụng; án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ông Phan Đức Phương là dân tộc thiểu số có đơn đề nghị miễn án phí, do hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Đức Phương. (có bài phát biểu lưu hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương xác định đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng và tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, vắng mặt 2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn(Bà Lan, bà Diễm), vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(bà Bích vợ ông Phương), vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phương(bà Dương), vắng mặt người làm chứng(Ông Trình) các bên đương sự đề nghị xét xử vắng mặt họ, ông Trình vắng mặt nhưng đã có quan điểm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

* **Về Nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên:

+ Công nhận **23,02 ha** đất rừng là của ông Phan Đức Phương Trong đó có 10 ha được cấp sổ xanh thuộc 4 lô 33,34,43,44 tiểu khu 413 xã Hợp Tiến và 13,02 ha đất do ông Phương tự khai hoang thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên(bản đồ giải thửa địa chính năm 2006).

Xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Phương và gia đình ông Phương có quyền khai thác, sử dụng.

Diện tích tranh chấp được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng, diện tích thực tế là **161.439,3 m²** tương đương **16,14 ha** đất trồng rừng chỉ là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số **BA 866776** tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800 m²** (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông*)

HĐXX xét thấy: Về chứng cứ xác định Nguồn gốc đất mà ông Phương yêu cầu Tòa án Công nhận QSD là của ông Phương gồm:

- 01 bản sao Hồ sơ giao đất rừng số 922 mang tên chủ hộ Phan Sinh Quý (bố đẻ ông Phương) được Lâm trường Đồng Hỷ cấp ngày 30/11/1993;
- 02 bản phô tô Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp;
- 01 bản phô tô Biên bản làm việc về việc đo hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp của hộ ông Phan Đức Phương tại đội Lâm nghiệp Hợp Tiến;
- 01 bản phô tô Biên bản Hòa giải tranh chấp đất đai giữa công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên với 14 hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu tại xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến; Không có tài liệu chứng cứ nào xác định việc ông Phan Đức Phương khai hoang, khai phá đất vào thời điểm năm 2006.

HĐXX xét thấy: Thời điểm năm 2006 nhà nước đang thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ – CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003. Trước đó Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái(nay là tỉnh Thái Nguyên) và đang thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha, trước thời điểm này đã thiết lập bản đồ quản lý rừng và đất rừng trên cơ sở của Bản đồ 299 theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10 tháng 11 năm 1980 về “Công tác đo đạc, phân hàng và đăng ký ruộng đất trong cả nước” để quản lý chặt chẽ và thống nhất đất đai trong cả nước theo Quyết định 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các ngành, các cấp tiến hành công tác đo đạc, lập bản đồ phân loại đất, phân hạng đất canh tác và đăng ký, thống kê tình hình sử dụng ruộng đất trong cả nước.

Về mặt thực tế sử dụng đất: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được nhà nước giao đất quản lý, sử dụng đất và điều chỉnh việc quản lý, sử dụng đất theo các văn bản pháp luật bởi các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Thái cho phù hợp với các văn bản pháp luật trong từng giai đoạn khác nhau. Quá trình giải quyết vụ án Ông Phan Đức

Phương không cung cấp được chứng cứ chứng minh những vị trí đất đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của ông bà thuộc địa phận xã Hợp Tiến, tỉnh Thái Nguyên theo địa giới hành chính, không có văn bản nào của UBND xã Hợp Tiến xác nhận việc ông bà khai phá đất, bản thân ông bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng ông bà khai phá đất vào năm 2006, 2007 như những lời ông bà khai trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác UBND xã Hợp Tiến, xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Qua hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp. Do vậy nguyên đơn cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là không có căn cứ và cơ sở để chấp nhận. HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Phan Đức Phương và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phương đề nghị công nhận QSD 22,03 ha đất trồng rừng là đất của ông Phan Đức Phương.

[2] Xét yêu cầu của ông Phương đề nghị Tòa án Buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

Căn cứ bản trích đo hiện trạng sử dụng đất xác định diện tích thực tế có tranh chấp là **161.439,3 m²** tương đương **16,14 ha** đất trồng rừng, có 02 phần Cụ thể:

* **Phần Diện tích đo hiện trạng 130.759,7m²** Trong đó: Diện tích đất trồng keo: **107.324,5m²** và diện tích đất trồng phân: **23435,2 m²**. Đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến, vị trí đất thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Đây là vị trí đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã giao khoán cho ông Phan Đức Hiện (là anh trai ông Phương) trồng rừng theo 02 hợp đồng cụ thể là:

+ Hợp đồng số 05/2008-HĐGK ký ngày 02/10/2008 tại lô B1, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích **1,85 ha** (18.500 m²).

+ Hợp đồng số 08/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 tại lô C19, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích **5,20 ha** (52.000 m²).

+ Diện tích còn lại (**60.259,70 m²**), ông Phan Đức Phương đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

* **Phần Diện tích đo theo hiện trạng: 30.679,6 m²** tại khoảnh 5, tiểu khu 195 Đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến, vị trí đất thuộc thửa

407 tờ bản đồ số 3 xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Diện tích này ông Phan Đức Phương đang lấn chiếm tự đầu tư trồng rừng mà ông Phương cho là đất khai phá.

HĐXX thấy: Việc giao đất của Lâm trường Đông Hỷ trên cơ sở diện tích đất mà Lâm trường Đông Hỷ được UBND tỉnh Bắc Thái giao đất giao rừng tại Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992, diện tích đất này thuộc quỹ đất của Lâm trường Đông Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước. Còn việc giao đất cho các hộ dân theo Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994 trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương và thẩm quyền quyết định xác lập các khu rừng và giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp huyện theo Điều 8 của Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và thời hạn giao đất cho hộ gia đình cá nhân là 50 năm, thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

Xét về cơ chế giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Trước năm 1999, Lâm trường Đông Hỷ thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã thực hiện giao khoán cho các hộ nhận khoán là thực hiện theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng; Các Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn PAM và nguồn vốn dự án 327.

Thực hiện Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã có công văn số 34/CTVDTN về việc tăng cường biện pháp quản lý, sử dụng rừng và đất rừng. Trong đó Công ty yêu cầu các hộ nhận khoán trước đây được Lâm trường Đông Hỷ giao khoán bằng hồ sơ giao đất, giao rừng (sổ xanh) phải chuyển sang Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/CP.

Thực hiện Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

Từ năm 2006 đến năm 2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng trên đất của Công ty được giao quản lý bằng các Hợp đồng giao khoán với các hộ dân.

Từ ngày 15/02/2017 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016

của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH Một thành viên Nông, Lâm nghiệp nhà nước.

Về mô hình giao khoán, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi được thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp. Hồ sơ giao đất, giao rừng số 922 mang tên chủ hộ Phan Sinh Quý (bố đẻ ông Phương) được Lâm trường Đồng Hỷ cấp ngày 30/11/1993 cấp cho ông Phan Sinh Quý diện tích 12,10 ha. Điều 2 của Quyết định giao đất, giao rừng quy định: “ *Chủ rừng được chủ động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả phân đất được giao, hưởng mọi quyền lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định và chính sách của nhà nước*” Hồ sơ giao đất, giao rừng mang tên Phan sinh Quý(bố đẻ ông Phương) bao gồm: Đơn xin nhận đất nhận rừng; Quyết định giao đất giao rừng ngày 30/11/1993; Biên bản bàn giao rừng và đất để trồng rừng ngày 30/12/1993 có Nguồn gốc đất là đất của Lâm trường Đồng Hỷ giao cho quản lý, sử dụng và phải thực hiện nghĩa vụ với Lâm trường.

Đối với diện tích đất ông Phương cho là khai phá nhưng ông Phan Đức Phương không cung cấp được chứng cứ nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận việc ông khai phá đất hiện nay đang tranh chấp với Tổng công ty.

Hợp đồng giao nhận khoán mang tên Phan Đức Hiện ký với Công ty đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do ông Hiện ký đều có xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Những hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng của ông Phan Đức Hiện ở vào vị trí có tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp hiện nay ông Phan Đức Phương đang quản lý.

Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa ông Phan Đức Hiện với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Từ khi ông Hiện ký Hợp đồng nhận khoán(năm 2008 và 2016) với Công ty Lâm nghiệp, ông Hiện không có ý kiến thắc mắc hay phản đối về vấn đề gì.

Người làm chứng: ông Phạm Văn Trình - Nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty Lâm nghiệp xác định trong thời gian làm đội trưởng ông không thu khoản tiền nào của người nhận khoán mà việc thu là do kế toán công ty thu có hóa đơn thu chi giao cho các hộ nhận khoán. Khi ký các hợp đồng giao khoán thì người nhận khoán đã biết và được thỏa thuận nội dung hợp đồng, có đơn xin nhận khoán, hợp đồng đã có nội dung được đánh máy đầy đủ các điều khoản và người nhận được đọc, thông qua nội dung trong hợp đồng nhất trí mới ký hợp đồng. “ *Việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông Phan Đức Hiện với Lâm trường Đồng Hỷ ông Hiện đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo Hợp*

đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký khống với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký khống là không đúng.”

Cuối năm 2019 ông Phan Đức Phương khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án Buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

Tại phiên tòa ông Phan Đức Hiện thừa nhận những chữ ký trong các hợp đồng giao khoán là chữ ký của ông, nhưng ông chỉ ký chứ không có nội dung, ông bị ký khống và trong hợp đồng ông đã ký không có số lô, số thửa. sau đó về Công ty tự ghi thêm nội dung giao khoán. Ông Ký hợp đồng nhưng ông không được sử dụng đất. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng thừa nhận chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau khi ký. Ông Phương và Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định hợp đồng ký trước sau đó mới điền nội dung sau. Hồ sơ giao đất giao rừng (Lâm trường Đồng Hỷ giao) chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, nếu Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao đất giao rừng này chưa hết thời hạn để làm căn cứ hủy hợp đồng giao khoán trên đất của ông Phương khai phá.

HĐXX thấy Ông Phan Đức Phương không phải là chủ thể ký kết hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, Công ty không giao đất để trồng rừng cho ông Phương cũng như không ký hợp đồng nào với ông Phương do đó ông Phan Đức Phương không có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc giao nhận khoán đất trồng rừng của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần - Chi nhánh Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên với ông Phan Đức Phương

Vị trí đất tranh chấp hiện ông Phan Đức Phương đang quản lý, sử dụng có vị trí nằm trọn vẹn trong thửa 30 tờ bản đồ số 1 và thửa 407 tờ bản đồ số 3 xã Hợp Tiên, huyện Đồng Hỷ được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011.

Ngoài phần diện tích đất đã giao khoán với ông Hiện, ông Phương đã trồng một số cây trên phần đất lấn chiếm của Công ty, gây thiệt hại đến tài sản của Công ty và tạo dư luận xấu trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương do vậy toàn bộ cây trồng trên phần đất của Công ty Lâm nghiệp mà ông Phương cho là đất “khai phá”, ông Phương phải tự khai thác cây trồng trái phép trên đất để trả lại đất cho Tổng Công ty Lâm nghiệp. Hoặc ông Phương có thể liên hệ với

Tổng Công ty Lâm nghiệp để được thực hiện Hợp đồng giao nhận khoán với Tổng Công ty Lâm nghiệp.

Đối với một số cây trồng trên diện tích do ông Hiện đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông Phan Đức Hiện vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông Hiện đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với ông Phan Đức Hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của ông Phan Đức Phương đề nghị Tòa án Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – chi nhánh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Ông Phan Đức Phương, bà Triệu Thị Bích (vợ ông Phương) và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên hủy GCNQSD đất số BA 866776; BA 866510 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/02/2011. Lý do đất ông Phương đang quản lý sử dụng có nguồn gốc của bố đẻ ông Phương cho sử dụng và đất ông Phương khai phá từ năm 2006. GCNQSD đất của Tổng công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/02/2011 cấp chồng vào đất của ông Phương đã khai phá từ trước khi Công ty được cấp GCNQSD đất.

Căn cứ Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là **13.065** ha. Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, thì diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nhai, Đông giáp huyện Võ Nhai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi, Nam giáp tỉnh Hà Bắc, Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Tại Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.

Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Việc cấp GCNQSD đất đã được Văn phòng đăng ký QSD đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình lên Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011.

Như vậy có đủ căn cứ xác định ông Phan Đức Phương đang quản lý sử dụng đất có tranh chấp với Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, đất có Nguồn gốc là đất của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có Quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích đất được bàn giao nguyên trạng, tuy nhiên trong phạm vi ranh giới Lâm trường Đồng Hỷ có nhiều dân cư sinh sống, số dân cư này đã chiếm giữ một phần đất của lâm trường.

Căn cứ Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009; Xét thấy việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên không cần thiết phải đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ

án. Xét yêu cầu của ông Nguyễn đơn (ông Phan Đức Phương) và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phương đề nghị Tòa án hủy GCNQSD của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Phan Đức Phương phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 23.230.000 đồng. Ông Phương đã nộp và chi phí xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Ông Phan Đức Phương phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản(đất) do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Giá trị đất là 1.452.953.700 đồng. Tổng tiền án phí là **55.588.611 đồng**). Đối với giá trị tài sản là cây trồng trên đất tranh chấp có Hợp đồng giao khoán giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên với ông Phan Đức Hiện, do không xem xét đến nội dung hợp đồng và yêu cầu cụ thể giá trị của Hợp đồng, phía công ty không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên HĐXX không xem xét giá trị tài sản trên đất để làm căn cứ tính án phí. Khi các đương sự có tranh chấp về hợp đồng thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ông Phương là dân tộc thiểu số có đơn đề nghị miễn án phí, do có hoàn cảnh khó khăn, sống ở vùng kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí . HĐXX miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phương.

[6] Về quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ tại phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

- Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Thông tư 06/LN KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 17, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Nghị định 17/1992/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;

- Điều 7, 8, 24, 28 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

- Điều 99, 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định 432014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Tòa án Công nhận 23,02 ha đất trồng rừng và toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Phương, vì vị trí tranh chấp được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất là **161.439,3 m²** tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1 và thửa 407 tờ bản đồ số 3, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc QSD đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần. Vị trí đất tranh chấp gồm:

*** Phần đất thứ nhất thuộc khoảnh 3, khoảnh 5 thửa 30 tờ bản đồ số**

1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp tiến, huyện Đồng Hỷ. Diện tích: 30.679,6 m².

- + Phía Bắc giáp với đất nhà ông Hội đang sử dụng;
- + Phía Đông Bắc giáp với đất ông Hoàng Văn Hải đang sử dụng;
- + Phía Đông đông nam giáp với đất ông Phan Đức Hiện đang sử dụng;
- + Phía Tây Nam giáp với đất ông Đặng Văn Thái đang sử dụng;
- + Phía Tây Bắc giáp với đất nhà ông Hội;

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Phần đất thứ hai thuộc thửa 407 tờ bản đồ số 3 xóm Bãi Vàng, xã Hợp tiến, huyện Đồng Hỷ. Diện tích: 130.759,7 m².**

- + Phía Bắc giáp với đất nhà ông Phan Đức Hiện đang sử dụng;
- + Phía Tây Nam giáp đỉnh đông(xóm Mỏ sắt);
- + Phía Đông giáp với đất ông Phan Đức Phương đang sử dụng;
- + Phía Tây Bắc giáp với đất ông Phan Đức Hiện đang sử dụng;
- + Phía Đông Nam giáp với đất nhà bà Phan Thị Hương đang sử dụng;

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo do ông Phương dẫn đạc được Công ty TNHH Hà Nguyễn Châu đo đạc)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Tòa án Buộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Do ông Phương không liên quan đến hợp đồng giao khoán nên không có quyền yêu cầu.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Phương đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 ; BA 866510 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 vị trí đất tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Đức Phương phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản(đã chi phí xong).

5. Về án phí: Miễn 55.588.611 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phan Đức Phương .

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ



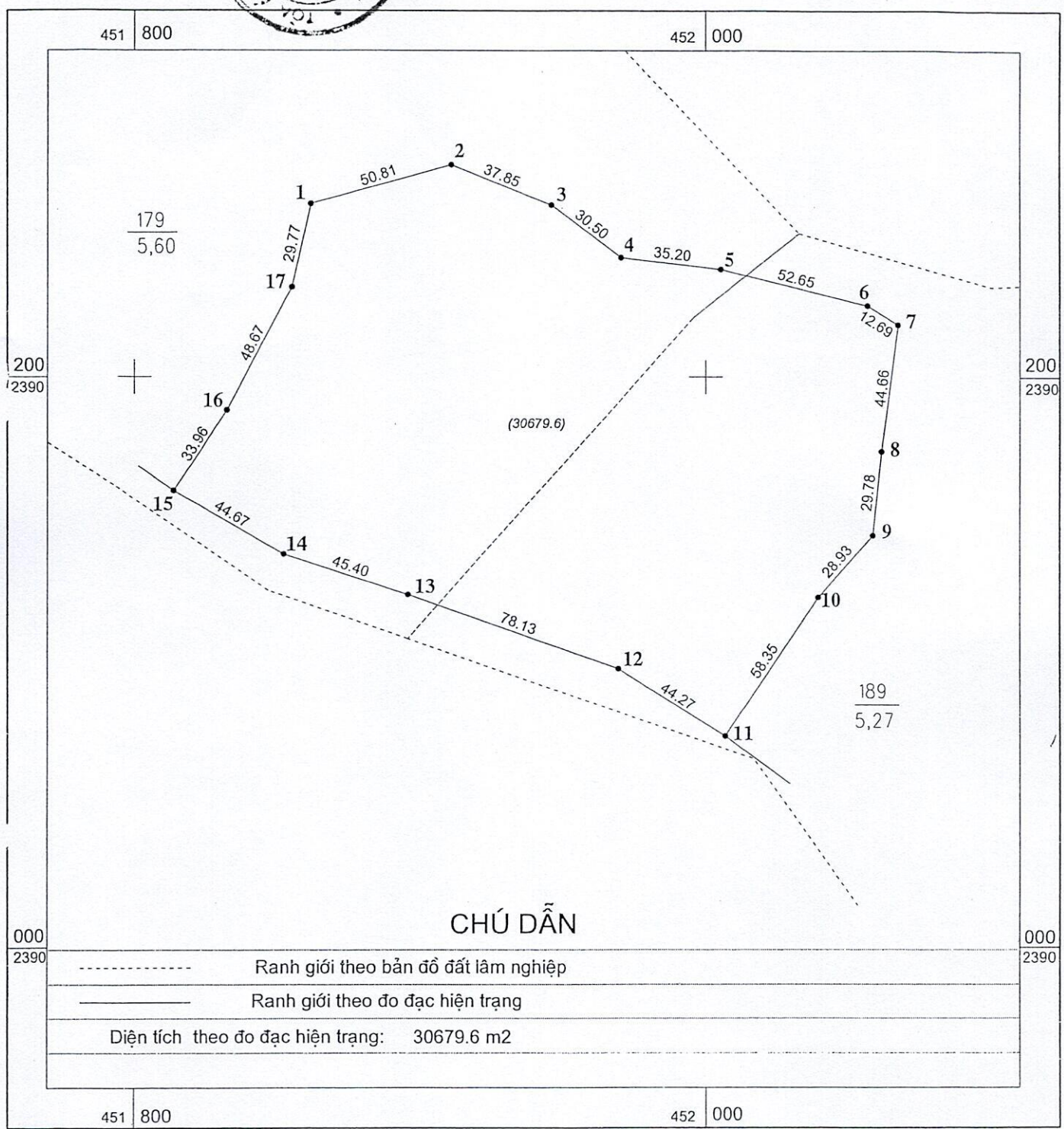
Mai Thị Hồng Thái

MAI THỊ HỒNG THÁI



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ÔNG PHAN ĐỨC PHƯƠNG TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



Đo vẽ tháng 6 năm 2020

Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

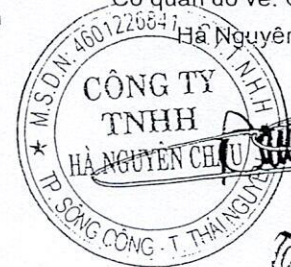
TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

Tháng 6 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH

Hà Nguyên Châu



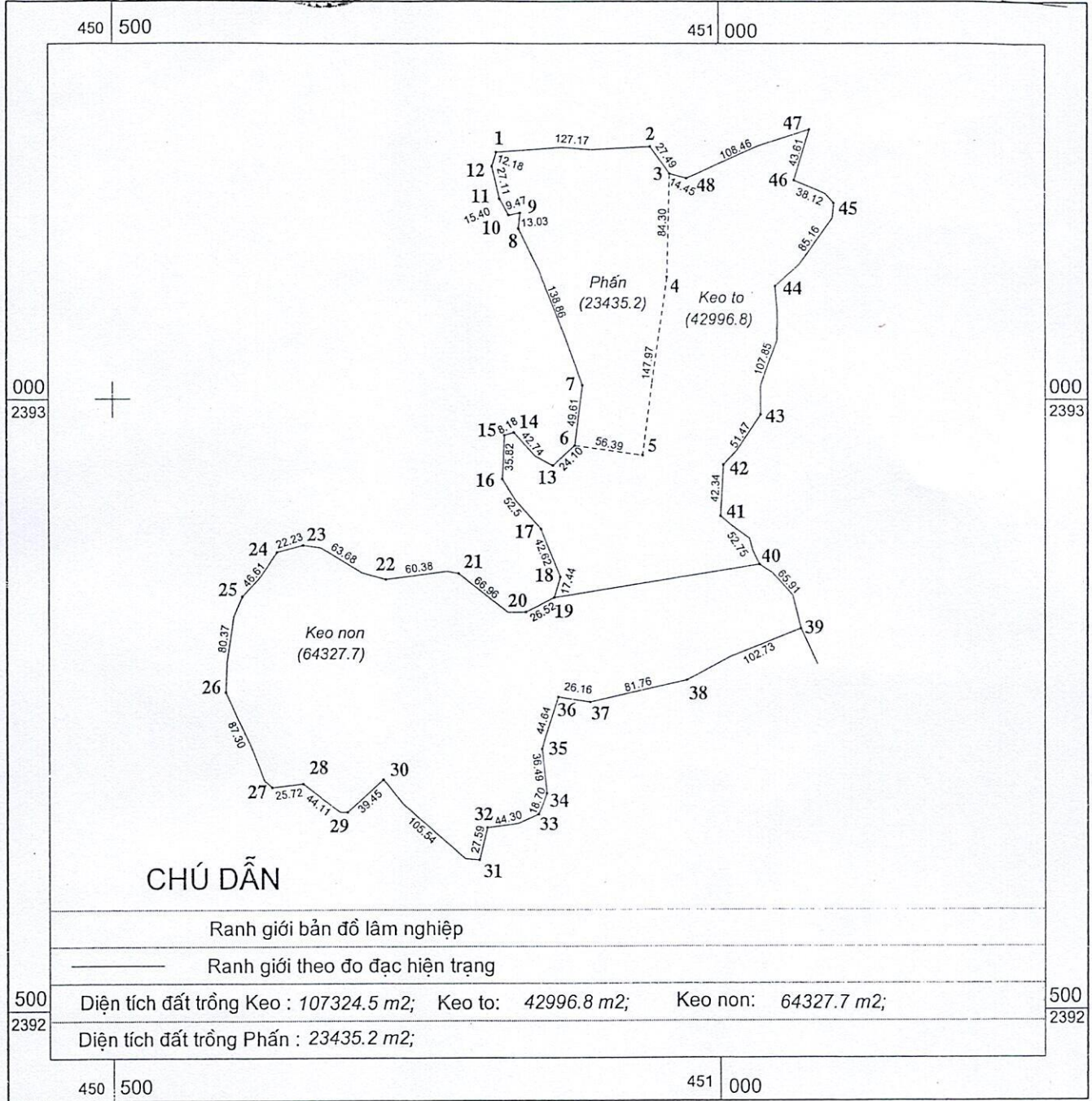
GIÁM ĐỐC
Trần Văn Điền

TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT



PHAN ĐỨC PHƯƠNG

XOM BAI VANG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

— — — — — Ranh giới bản đồ lâm nghiệp

————— Ranh giới theo đo đạc hiện trạng

Đo vẽ tháng 6 năm 2020

Người đo vẽ:

[Handwritten Signature]

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 6 năm 2020

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH

Hà Nguyễn Châu



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Diên